

# SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI BỆNH MẮC COVID-19 TẠI BỆNH VIỆN DÃ CHIẾN - ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y TẾ HẢI DƯƠNG

Đàm Thị Thùy<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Huyền, Bùi Thị Hậu<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

Nghiên cứu nhằm mô tả sự hài lòng và một số yếu tố liên quan của người bệnh mắc Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến – Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 206 người bệnh được chẩn đoán Covid-19 điều trị tại Bệnh viện dã chiến – Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2021. Sự hài lòng của người bệnh được đo lường bằng bộ câu hỏi khảo sát sự hài lòng của người bệnh nội trú chung do Bộ Y tế ban hành và được chỉnh sửa cho phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy, tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh mắc Covid-19 điều trị nội trú là 92,7%. Trong đó, tỷ lệ hài lòng về giao tiếp và tương tác với nhân viên y tế là cao nhất (98,1%); tiếp theo là khả năng tiếp cận ban đầu (94,2%); kết quả cung cấp dịch vụ (93,7%); cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh (92,7%); dinh dưỡng trong quá trình điều trị (90,8%); sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị (86,9%). Tuổi (OR: 1,9; 95% CI: 1,46-2,46) và triệu chứng lâm sàng của Covid-19 (OR: 0,43; 95% CI: 0,06-0,29) có mối liên quan có ý nghĩa thống kê với sự hài lòng của người bệnh  $p < 0,05$ . **Từ khóa:** sự hài lòng, người bệnh nội trú, Covid-19.

## SUMMARY

### SATISFACTION AMONG PATIENTS DIAGNOSED WITH COVID-19 AT THE FIELD HOSPITAL – HAIDUONG MEDICAL TECHNICAL UNIVERSITY

To described satisfaction and associated factors among patients diagnosed with Covid-19 in the field hospital – Hai Duong Medical Technical University. A cross-sectional study. Convenience sampling with 206 patients diagnosed with Covid-19 at the field hospital – Hai Duong Medical Technical University from February to March, 2021. Patients' satisfaction was evaluated by the Satisfaction of Inpatients Questionnaire developed by Ministry of Health and adjusted accordingly. The percentage of Covid-19 patient's satisfaction score was 92,7%. Among patients' satisfaction domains, the percentage of communication and interaction with medical staffs was highest (98,1%); followed by initial accessibility (94,2%); service delivery results (93,7%); facilities to serve patients (92,7%); nutrition during hospitalization (90,8%); transparency of information and procedures for medical examination, treatment, and care (86,9%). Age (OR: 1,9; 95% CI: 1,46-2,46) and clinical

symptoms of Covid-19 (OR: 0,43; 95% CI: 0,06-0,29) were significantly associated with patients' satisfaction,  $p < 0,05$ .

**Keywords:** satisfaction, inpatient, Covid-19.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày 11 tháng 3 năm 2020, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã công bố Covid-19 là "đại dịch toàn cầu", tác động đến hầu hết các quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp với số người bệnh mắc Covid-19 tăng nhanh tại tỉnh Hải Dương, 717 người nhiễm bệnh đến ngày 14/3/2021, Bộ Y Tế đã thành lập các bệnh viện dã chiến theo nguyên tắc "4 tại chỗ" (lực lượng tại chỗ, chỉ huy tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ). Bệnh viện dã chiến được thành lập trong một thời gian ngắn có rất nhiều những khó khăn về cơ sở vật chất, khó khăn về trang thiết bị phòng hộ cá nhân, khó khăn liên quan đến việc kiểm soát nhiễm khuẩn tránh lây chéo từ người bệnh sang nhân viên y tế. Từ tình hình thực tiễn như vậy, Bệnh viện dã chiến trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương đã xây dựng các quy trình điều trị, quy trình chăm sóc, quy trình phòng ngừa và kiểm soát nhiễm khuẩn. Tuy nhiên, những khó khăn trong quá trình thành lập bệnh viện dã chiến có thể ảnh hưởng đến các dịch vụ y tế cung cấp cho người bệnh mắc Covid-19, từ đó ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh. Trên thế giới cũng như tại Việt Nam, có rất nhiều các nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú, đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 đến sự hài lòng của người bệnh [1], đánh giá sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 với việc sử dụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe từ xa [2]. Tuy nhiên có rất ít những nghiên cứu đánh giá sự hài lòng của người bệnh mắc Covid 19 điều trị nội trú tại các cơ sở y tế, đặc biệt là tại bệnh viện dã chiến. Đánh giá sự hài lòng của người bệnh cho phép các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe xác định những yếu tố dịch vụ nào cần được cải thiện [3], hiểu những nhu cầu của người bệnh để từ đó lập kế hoạch cải thiện chất lượng dịch vụ y tế được tốt hơn. Vì vậy, nhóm chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với hai mục tiêu chính: (1) *Mô tả sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến – Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương*, (2) *Xác định một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của*

<sup>1</sup>Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương

Chịu trách nhiệm chính: Đàm Thị Thùy

Email: damthuy90@gmail.com

Ngày nhận bài: 6.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 17.3.2023

Ngày duyệt bài: 29.3.2023

người bệnh mắc Covid-19.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**2.1. Đối tượng nghiên cứu, thời gian và địa điểm nghiên cứu.** Đối tượng nghiên cứu là 206 người bệnh được chẩn đoán Covid-19 đang điều trị nội trú tại Bệnh viện dã chiến – Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, từ 18 tuổi trở lên, tự nguyện tham gia nghiên cứu, có khả năng giao tiếp bình thường, không có rối loạn về tâm thần, nhận thức.

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 02/2021 đến tháng 5/2021, trong đó thời gian thu thập số liệu từ tháng 02/2022 đến tháng 03/2022 tại Bệnh viện dã chiến - Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương, nơi tiếp nhận và điều trị người bệnh Covid-19

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

- **Thiết kế nghiên cứu:** mô tả cắt ngang.

- **Phương pháp chọn mẫu:** nghiên cứu này thực hiện chọn mẫu thuận tiện bao gồm chọn tất cả người bệnh đủ tiêu chuẩn, đồng ý tham gia nghiên cứu và đang điều trị Covid-19 tại Bệnh viện dã chiến – Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương.

**2.3. Công cụ nghiên cứu.** Bộ công cụ đánh giá sự hài lòng của người bệnh Covid-19 được xây dựng dựa trên Bộ câu hỏi khảo sát ý kiến người bệnh nội trú của Bộ Y tế ban hành năm 2019 [4] bao gồm 7 thang đo, với 47 câu hỏi. Ở mỗi câu hỏi, sự hài lòng của người bệnh được mô tả theo thang độ Likert. Thang độ Likert có 5 mức lựa chọn tương ứng với số điểm từ 1 đến 5: 1-Rất không hài lòng hoặc rất kém, 2-Không hài lòng hoặc kém, 3-Bình thường hoặc trung bình, 4-Hài lòng hoặc tốt, 5-Rất hài lòng hoặc rất tốt. Sự hài lòng của người bệnh được chia làm 2 mức độ theo mức điểm trung bình: Hài lòng nếu điểm trung bình >3 (Mức 3,4,5), không hài lòng khi điểm trung bình <3 (Mức 1,2).

**2.4. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu.** Nghiên cứu tiến hành thu thập số liệu bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp. Nghiên cứu viên giới thiệu về mục đích của nghiên cứu và cách trả lời phiếu khảo sát, giải đáp thắc mắc của đối tượng nghiên cứu. Sau khi đối tượng nghiên cứu trả lời xong, nghiên cứu viên kiểm tra các câu hỏi, nếu còn thiếu hay sai sót hướng dẫn đối tượng nghiên cứu bổ sung, hoàn thiện phiếu khảo sát.

Sau khi thu thập số liệu, phiếu khảo sát được tập hợp lại để làm sạch, mã hoá, nhập và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 20.0. Thống kê mô tả bao gồm số lượng (n), tỉ lệ phần trăm (%)

được sử dụng để mô tả sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị nội trú. Phân tích hồi quy logistic đa biến được áp dụng để xác định một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị nội trú dựa vào tỷ suất chênh (OR), khoảng tin cậy 95% CI và mức ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ .

**2.5. Đạo đức nghiên cứu.** Nghiên cứu được thông qua Hội đồng Khoa học và Công nghệ trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương. Đối tượng tham gia nghiên cứu được giải thích rõ ràng về mục đích của nghiên cứu và tự nguyện tham gia nghiên cứu. Mọi thông tin của đối tượng được mã hoá, bảo mật và chỉ nhằm mục đích phục vụ cho nghiên cứu, không sử dụng cho mục đích khác. Nghiên cứu viên và người bệnh được đảm bảo an toàn trong quá trình thu thập số liệu.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu**

Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	18-40 tuổi	142	68,9
	41-60 tuổi	48	23,3
	> 60 tuổi	16	7,8
Giới tính	Nam	76	36,9
	Nữ	130	63,1
Tình trạng hôn nhân	Đã kết hôn	176	85,4
	Chưa kết hôn	27	13,1
	Li dị/góa	3	1,5
Trình độ học vấn	Dưới tiểu học	2	0,9
	Tiểu học	5	2,4
	THCS	64	31,1
	THPT	70	34,0
Nghề nghiệp	Cao đẳng, đại học	65	31,6
	Làm ruộng	38	18,5
	Công chức, viên chức	14	6,8
	Nghỉ hưu	4	1,9
	Công nhân	129	62,6
Nội trợ, tự do	21	10,2	

Theo kết quả nghiên cứu, độ tuổi trung bình của đối tượng nghiên cứu là 35 (18 tuổi-86 tuổi), trong đó chủ yếu là từ 18 đến 40 tuổi, chiếm 68,9%. Phần lớn đối tượng nghiên cứu là nữ (63,1%), nam giới chỉ chiếm 36,9%. Hầu hết đối tượng nghiên cứu đã kết hôn (85,4%) và 65,6% có trình độ học vấn từ Trung học phổ thông trở lên. Công nhân chiếm tỷ lệ cao nhất 62,6%, tiếp đến là làm ruộng 18,5% và nội trợ, tự do 10,2%

**Bảng 2. Tiếp cận thông tin, triệu chứng**

**và thời gian nằm viện của đối tượng nghiên cứu**

Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Cách tiếp cận thông tin về Covid-19	Internet	154	74,7
	Tivi, đài	66	32,0
	Loa phát thanh địa phương	57	27,7
	Báo giấy, tờ rơi, pano áp phích	13	6,3
	Nhân viên y tế	31	15,0
	Người khác	7	3,4
Triệu chứng lâm sàng của Covid-19	Không có triệu chứng	113	54,9
	Có triệu chứng	93	45,1
Thời gian nằm viện	< 15 ngày	29	14,1
	16-30 ngày	82	39,8
	31-45 ngày	75	36,4
	> 45 ngày	20	9,7

Đối tượng nghiên cứu chủ yếu tiếp cận thông tin về Covid-19 qua Internet (74,7%). Đối tượng nghiên cứu không có triệu chứng của Covid-19 chiếm 54,9%, có triệu chứng của Covid-10 chiếm 45,1%. Thời gian nằm viện của đối tượng nghiên cứu từ 16-30 ngày chiếm 39,8%, 31-45 ngày chiếm 36,4% và trên 45 ngày chiếm 9,7%.

**3.2. Sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị tại Bệnh viện dã chiến**

**Bảng 3. Sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị tại Bệnh viện dã chiến**

Các nội dung	Không hài lòng		Hài lòng	
	n	%	n	%
Khả năng tiếp cận ban đầu	43	5,8	194	94,2
Sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị, chăm sóc	27	13,1	179	86,9
Cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh	15	7,3	191	92,7
Dinh dưỡng trong quá trình điều trị	19	9,2	187	90,8
Giao tiếp và tương tác với nhân viên y tế	4	1,9	202	98,1
Kết quả cung cấp dịch vụ	13	6,3	193	93,7
Hài lòng chung	7,3%		92,7%	

Tỷ lệ hài lòng chung của đối tượng nghiên cứu đối với bệnh viện là 92,7%. Tỷ lệ hài lòng ở từng nội dung cụ thể đều ở mức trên 85%, trong đó sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị, chăm sóc có tỷ lệ hài lòng thấp nhất (86,9%). Giao tiếp và tương tác với nhân viên y tế được đối tượng nghiên cứu đánh giá cao nhất (98,1%).

**3.3. Một số yếu tố liên quan đến sự hài**

**lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị tại Bệnh viện dã chiến**

**Bảng 4. Mô hình hồi quy logistic về ảnh hưởng của một số yếu tố tới sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị tại Bệnh viện dã chiến**

Các yếu tố		OR	95% CI	p
Tuổi (năm)		1,90	1,46-2,46	< 0,05
Giới tính	Nam	1	-	-
	Nữ	3,78	0,84-16,98	0,08
Hôn nhân	Chưa kết hôn/ Li dị/ Góa	1	-	-
	Đã kết hôn	0,45	0,78-2,55	0,36
Trình độ học vấn	Dưới THPT	1	-	-
	Từ THPT trở lên	2,56	0,38-16,87	0,32
Triệu chứng lâm sàng của Covid-19	Có triệu chứng	1	-	-
	Không có triệu chứng	0,43	0,06-0,29	0,001
Thời gian nằm viện (ngày)		1,01	0,95-1,07	0,60

Theo kết quả phân tích hồi quy logistic, có hai yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị nội trú bao gồm tuổi và triệu chứng lâm sàng của Covid-19. Trong đó tuổi là yếu tố có sự ảnh hưởng lớn nhất tới sự hài lòng của người bệnh với tỷ suất chênh OR= 1,90; 95% CI: 1,46-2,46; p < 0,05. Điều đó có nghĩa là người bệnh cứ tăng lên một tuổi thì sự hài lòng cũng tăng lên 1,9 lần. Ngoài ra, nhóm người bệnh không có triệu chứng lâm sàng của Covid-19 có sự hài lòng thấp hơn 0,43 lần so với nhóm người bệnh có triệu chứng lâm sàng của Covid-19 (OR= 0,43; 95% CI: 0,06-0,29, p = 0,001).

**IV. BÀN LUẬN**

**4.1. Sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị tại Bệnh viện dã chiến.**

Trong nghiên cứu này, tỷ lệ hài lòng chung của người bệnh mắc Covid-19 đạt 92,7%. Như vậy có thể thấy chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại Bệnh viện dã chiến đã đáp ứng được mong đợi của người bệnh mắc Covid-19. Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước về sự hài lòng của người bệnh nội trú như Trương Văn Hiếu, Lê Hữu Lự với tỷ lệ hài lòng chung đều trên 90% [5], [6]. So sánh với những nghiên cứu trên thế giới một nghiên cứu tại Nepal cho thấy có 39% người bệnh có sự hài lòng chung, thấp hơn so với nghiên cứu này [7]. Trong một nghiên cứu khác tiến hành trên 153 người bệnh tại Kazakhstan cho thấy tỷ lệ hài

lòng chung cũng tương đồng với nghiên cứu này 90,8% [8].

Khi nghiên cứu về sự hài lòng chung của người bệnh mắc Covid-19 ở từng yếu tố cụ thể, kết quả cho thấy tỷ lệ hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 về giao tiếp và tương tác với nhân viên y tế là 98,1%. Tỷ lệ người bệnh hài lòng với khả năng tiếp cận ban đầu là 94,2%; kết quả cung cấp dịch vụ là 93,7%; cơ sở vật chất và phương tiện phục vụ người bệnh là 92,7%; sự minh bạch thông tin và thủ tục khám bệnh, điều trị, chăm sóc là 86,9%. Kết quả này cho thấy sự nỗ lực, quyết tâm của ban chỉ đạo phòng chống dịch tại bệnh viện cũng như toàn bộ nhân viên y tế, sinh viên đã luôn khắc phục những khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Mặc dù được thành lập trong thời gian ngắn nhưng bệnh viện đã nhận được nhiều sự hỗ trợ với đầy đủ trang thiết bị hiện đại nhất phục vụ điều trị cho người bệnh Covid-19. Bệnh viện có Phòng Hồi sức tích cực và Đơn nguyên cấp cứu với các kỹ thuật hiện đại như: tim phổi nhân tạo (ECOM), hệ thống oxy trung tâm, máy lọc máu, máy thở oxy kỹ thuật cao... Ngoài đội ngũ y, bác sĩ của Bệnh viện Bạch Mai thường xuyên ứng trực, sự hỗ trợ của một số cơ sở y tế trong tỉnh, Trường Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương còn huy động 285 cán bộ, nhân viên và hơn 600 học sinh, sinh viên hỗ trợ ngành y tế điều tra dịch tễ, lấy mẫu xét nghiệm và trực tiếp tham gia tiếp nhận, chăm sóc, điều trị bệnh nhân COVID-19. Bên cạnh đó bệnh viện đã thành lập tổ kiểm soát nhiễm khuẩn bao gồm 4 nhân viên y tế và trung bình 22-29 sinh viên đã được tập huấn về công tác kiểm soát nhiễm khuẩn từ các chuyên gia của bệnh viện Bạch Mai. Vì vậy, các yếu tố về kiểm soát nhiễm khuẩn trong khu điều trị đều được tuân thủ chặt chẽ. Bệnh viện cũng có nhà ăn riêng, đồng thời thành lập tổ hậu cần trong việc chế biến, đóng gói, và vận chuyển các suất ăn cho người bệnh đảm bảo tươi, ngon, phù hợp với nhu cầu, lứa tuổi, và tình trạng của người bệnh. Các suất ăn trong dịp Tết nguyên đán cũng được cải thiện cho người bệnh và gia đình. Trong quá trình điều trị và chăm sóc cho người bệnh mắc Covid-19, nhân viên y tế bắt buộc phải mặc đồ bảo hộ và tuân thủ khoảng cách an toàn. Do đó, sự giao tiếp với người bệnh và gia đình được thay đổi linh hoạt qua các hình thức giao tiếp bằng lời, không lời, ra ký hiệu, viết để đảm bảo thông tin được chuyển tải cho người bệnh một cách đầy đủ, chính xác.

#### **4.2. Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị**

**tại Bệnh viện dã chiến.** Việc xác định các yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng của người bệnh là rất cần thiết để bệnh viện xác định các nội dung cụ thể cần cải tiến chất lượng để hướng tới từng nhóm người bệnh, bên cạnh việc cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao thái độ, tác phong làm việc và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ y tế. Trong nghiên cứu này, có hai yếu tố tuổi và triệu chứng lâm sàng của Covid-19 có mối liên quan với sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị nội trú. Tuổi của người bệnh tăng lên một thì sự hài lòng tăng gấp 1,9 lần, với ý nghĩa thống kê  $p < 0,05$ . Kết quả này cũng tương đồng với kết quả của một nghiên cứu tại Việt Nam cho thấy người bệnh từ 50 tuổi trở lên có điểm hài lòng cao hơn 1.79 % so với người bệnh trẻ tuổi ( $p < 0.05$ ) [9]. Điều này lý giải bởi những người lớn tuổi có thể đã trải qua những khó khăn đáng kể và có thể chấp nhận những bất cập trong hệ thống chăm sóc sức khỏe, đặc biệt khi dịch bệnh xảy ra hơn những người trẻ vốn được nuôi dưỡng trong khoảng thời gian đất nước phát triển hơn

Mối quan hệ giữa triệu chứng của Covid-19 với sự hài lòng của người bệnh chưa được nghiên cứu trước đây. Nhóm nghiên cứu đã tìm ra mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa triệu chứng của Covid-19 và sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị nội trú. Cụ thể hơn, nhóm người bệnh không có triệu chứng của Covid-19 có khả năng cảm thấy hài lòng thấp hơn 0,43 lần so với nhóm người bệnh có triệu chứng lâm sàng ( $p < 0,05$ ). Những người mắc Covid-19 có triệu chứng lâm sàng khi nhập viện cần được theo dõi liên tục để đề phòng những biến chứng nặng có thể xảy ra, đặc biệt với những người bệnh cao tuổi, có bệnh nền. Do đó, người bệnh có khả năng cảm thấy hài lòng cao hơn với các dịch vụ y tế được bệnh viện cung cấp. Trong nghiên cứu này, chúng tôi không tìm thấy mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 và các yếu tố khác như: giới tính, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn và thời gian nằm viện.

#### **V. KẾT LUẬN**

Sự hài lòng của người bệnh mắc Covid-19 điều trị tại bệnh viện dã chiến – Đại học Kỹ thuật Y tế Hải Dương đạt 92,7%. Trong đó, người bệnh hài lòng nhiều nhất về giao tiếp và tương tác với nhân viên y tế, với tỷ lệ hài lòng là 98,1%. Một số yếu tố liên quan đến sự hài lòng chung về chất lượng dịch vụ chăm sóc tại bệnh viện là: tuổi (OR = 1,9;  $p < 0,05$ ) và triệu chứng lâm sàng của Covid-19 (OR = 0,43;  $p = 0,001$ ).

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Traiki TAB, AlShammari SA, AlAli MN, et al. Impact of COVID-19 pandemic on patient satisfaction and surgical outcomes: A retrospective and cross sectional study. *Annals of Medicine and Surgery*. 2020;58:14-19.
2. Polunia NV, Tyazhelnikov AA, Pogonin AV, et al. Covid-19 patients' satisfaction with quality of medical care provided in the form of telemedicine consultations. *I Public Health*. 2020. doi: 10.24075/vrgmu.2020.084
3. Al-Abri R, Al-Balushi A. Patient satisfaction survey as a tool towards quality improvement. *Oman Medical Journal*. 2014;29(1):3.
4. Bộ Y tế. Quyết định 3869/QĐ-BYT Ban hành các mẫu phiếu và hướng dẫn khảo sát hài lòng người bệnh và nhân viên y tế. 2019
5. Trương Văn Hiếu, Lê Thị Liên, Nguyễn Thị Lan Anh. Thực trạng về sự hài lòng và các yếu tố liên quan ở người bệnh điều trị nội trú tại Bệnh viện răng hàm mặt trung ương Hà Nội-năm 2021. *Tạp chí Y học Việt Nam*. 2022;517(1): 17-21
6. Lê Hữu Lự, Bùi Tuấn Khoa, Nguyễn Thanh Bình, et al. Kết quả khảo sát sự hài lòng của bệnh nhân nội trú tại bệnh viện trung ương quân đội 108 năm 2017. *Tạp chí Y học dự phòng*. 2018;13(4):125-132.
7. Adhikari M PN, Mishra SR, et al. Patient satisfaction and its socio-demographic correlates in a tertiary public hospital in Nepal: A cross-sectional study. *BMC Health Services Research*. 2021;21(1):1-10.
8. Seleznev, I., Alibekova, R., & Clementi, A. Patient satisfaction in Kazakhstan: Looking through the prism of patient healthcare experience. *Patient Education and Counseling*. 2020; 103(11). 2368-2372
9. Nguyen, T., Nguyen, H., & Dana, A. (2020). Determinants of patient satisfaction: Lessons from large-scale inpatient interviews in Vietnam. *PLoS one*, 15(9), e0239306

## ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CAN THIỆP TRUYỀN THÔNG GIÁO DỤC SỨC KHỎE VỀ PHÒNG BỆNH VIÊM GAN SIÊU VI B

Huỳnh Giao<sup>1,2</sup>, Trần Văn Khanh<sup>2</sup>, Nguyễn Phi Hồng Ngân<sup>2</sup>, Đặng Thị Bích Hợp<sup>3</sup>, Nguyễn Thị Ngọc Hân<sup>4</sup>

## TÓM TẮT

Nghiên cứu đánh giá hiệu quả can thiệp giáo dục sức khỏe về phòng ngừa bệnh viêm gan siêu vi B (VGSVB) ở cha mẹ trẻ từ 6 đến 12 tháng tại Bệnh viện Lê Văn Thịnh (Bệnh viện Quận 2), thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 6 năm 2018 đến tháng 12 năm 2019, sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn có cấu trúc đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về phòng ngừa VGSVB, số liệu được thu thập trước truyền thông giáo dục sức khỏe (TT-GDSK) và sau 3 tháng và sau 6 tháng. Có 47 cha mẹ hoàn thành đánh giá trước và sau GDSK, phần lớn dưới 35 tuổi và trình độ học vấn trên cấp 3. Tỷ lệ người tham gia có kiến thức, thái độ, và thực hành phòng ngừa bệnh VGSVB đúng trước và sau khi can thiệp GDSK đã tăng lên đáng kể, với sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ). Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra rằng các hoạt động TT-GDSK đã cải thiện kiến thức, thái độ, và thực hành của người dân về phòng ngừa VGSVB. Điều này góp phần cho sự thành công của chương trình tiêm chủng phòng các bệnh có thể phòng ngừa được bằng vắc-xin cho trẻ em, đặc biệt chương trình phòng bệnh VGSVB.

**Từ khóa:** Bệnh viện Lê Văn Thịnh, giáo dục sức khỏe, viêm gan siêu vi B

## SUMMARY

### EVALUATION OF THE HEALTH EDUCATION EFFECT TOWARD HEPATITIS B PREVENTION

The aim of the study was to evaluate the health education effect of hepatitis B virus (HBV) prevention among parents who have children aged 6 to 12 months at Le Van Thinh Hospital (Hospital District 2), Ho Chi Minh City, between June 2018 and December 2019, using a structured questionnaire to assess knowledge, attitudes, and practices (KAP) of HBV prevention, data were collected before health education and after 3 months and 6 months. A total of 47 parents completed the assessment before and after health education, most of them are under 35 years of age and have an education level above high school. The KAP of hepatitis B prevention were low before health education but increased after health education, and the difference was statistically significant ( $p < 0.05$ ). In conclusion, after health education, the level of KAP of parents about HBV prevention improved significantly. This has contributed to the success of the vaccination program against vaccine-preventable diseases for children, especially HBV prevention.

**Keywords:** Hepatitis B prevention, Health education, Knowledge, Attitude, Practice

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Viêm gan siêu vi B (VGSVB) là một bệnh truyền nhiễm do vi-rút tấn công gan, có thể gây ra viêm gan cấp, mạn tính, xơ gan và ung thư biểu mô tế bào gan. Bệnh có thể lây truyền qua tiếp xúc với máu hoặc dịch tiết của người bị

<sup>1</sup>Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>2</sup>Bệnh viện Lê Văn Thịnh, Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>3</sup>Trung tâm Y tế huyện Tân Hồng, Đồng Tháp

<sup>4</sup>Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM - Cơ sở 2

Chịu trách nhiệm chính: Huỳnh Giao

Email: hgiao@ump.edu.vn

Ngày nhận bài: 2.01.2023

Ngày phản biện khoa học: 17.3.2023

Ngày duyệt bài: 28.3.2023